CÁC ĐẶC TÍNH CHUYÊN BIỆT CỦA HOMO SAPIENS TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN HÓA

Lê Trương Ánh Ngọc

Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: ltangoc@agu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/3/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 19/6/2023; Ngày duyệt đăng: 30/8/2023

Tóm tắt

Loài người đã có mặt từ lâu trước khi có lịch sử. Điều quan trọng nhất cần biết về con người thời tiền sử rằng đây là những động vật bình thường như bao loài khác, với tác động của họ lên môi trường chẳng hơn gì các loài khỉ đột, đom đóm hoặc sứa. Câu hỏi đặt ra là do đâu con người dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào tự nhiên và làm chủ được thế giới? Trong bài viết này, tác giả muốn tìm hiểu về những đặt tính chuyên biệt của con người đã tạo ra những bước nhảy vọt trong quá trình tiến hóa mà các loài động vật khác không có được. Đó chính là việc sở hữu một ngôn ngữ độc đáo của con người; đó là dáng đứng thẳng - biến dị di truyền lớn đầu tiên tạo sự khác biệt rõ với các vượn người; đó là một giống loài biết tạo ra lửa; đó là một giống loài biết chế tác công cụ lao động.

Từ khóa*: Chuyên biệt, đặc tính, Homo Sapiens, sự tiến hóa, quá trình.*

REMARKABLE FEATURES OF HOMO SAPIENS DURING THE EVOLUTION PROCESS

Le Truong Anh Ngoc

Faculty of Education, An Giang University, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: ltangoc@agu.edu.vn

Article history

Received: 28/3/2023; Received in revised form: 19/6/2023; Accepted: 30/8/2023

Abstract

Humans have existed long before the history was recorded. The prehistoric documentation is that humans were ordinary animal like others, with their impacts on the environment no more than gorillas, fireflies or jellyfish. This leads to the question: why do people gradually get rid of their dependence on nature and manage the world? This article studies distinctive features of humans achieving leaps during the evolution process that other animals couldn't. Humans owned a unique language; the upright posture - the first major genetic variation created differences from other apes; one could make fire and working tools.

Keywords*: Characteristic, evolution, Homo Sapiens, process, specialized.*

DOI: https://doi.org/10.52714/dthu.13.1.2024.1225

Trích dẫn: Lê, T. A. N. (2023). Các đặc tính chuyên biệt của Homo Sapiens trong quá trình tiến hóa. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 13*(1), 102-107. https://doi.org/10.52714/dthu.13.1.2024.1225.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tiến hóa của loài người, chúng ta phải thừa nhận rằng từ khi bắt đầu con người vốn chỉ là một con vật nhỏ bé, chẳng những không làm chủ được tự nhiên mà chỉ là một kẻ nô lệ ngoan ngoãn của tự nhiên. Con người hầu như không có quyền lực gì đối với thế giới. Tuy nhiên, nếu các loài động vật hoàn toàn phụ thuộc vào các điều kiện sinh hoạt của chúng trong tự nhiên, thì con người lại tự tạo ra môi trường sống cho mình. Càng ngày con người càng có thêm nhiều khả năng đấu tranh thắng lợi với thiên nhiên và xóa bỏ những điều kiện không thích hợp với mình. Chính những đặc tính chuyên biệt kết hợp với quyền lực trí tuệ của loài người đã giúp họ trở thành những gã khổng lồ làm chủ cả thế giới tự nhiên rộng lớn.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng các phương pháp sau để đạt được mục tiêu và kết quả nghiên cứu:

Một là, phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết: Phân tích và tổng hợp lý thuyết là thao tác phân tích lý thuyết thành các đơn vị kiến thức, tìm những dấu hiệu đặc thù của bản chất cấu trúc bên trong của lý thuyết, trên cơ sở phân tích tổng hợp lại để tạo ra một hệ thống, từ đó thấy được mối quan hệ biện chứng của chúng. Phương pháp này được sử dụng trong nghiên cứu như sau: đầu tiên là tìm, tập hợp tài liệu liên quan đến đặc điểm của Homo Sapiens; sau đó đọc và phân loại theo từng nội dung được trình bày trong nghiên cứu (các loài người đã tồn tại trong lịch sử, so sánh vượn người và người, đặc điểm của Homo Sapien,…); cuối cùng là, tổng hợp những nội dung có liên quan để tham khảo và sử dụng vào trong nghiên cứu.

Hai là, phương pháp logic: Đặt các sự kiện, hiện tượng trong mối liên hệ với nhau và tổng hợp, so sánh, đối chiếu, phân tích chúng… để tìm ra ý nghĩa, bản chất của sự kiện lịch sử. Phương pháp logic được sử dụng để so sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa vượn người và người.

Ba là, phương pháp lịch sử: Phương pháp lịch sử là phương pháp xem xét và trình bày quá trình phát triển của các sự kiện lịch sử theo một trình tự liên tục, trong mối liên hệ tác động lẫn nhau của chúng. Yêu cầu đối với phương pháp lịch sử là đảm bảo tính liên tục về thời gian của các sự kiện; làm rõ điều kiện, đặc điểm phát sinh, phát triển và biểu hiện của chúng; làm sáng tỏ các mối liên hệ đa dạng của chúng với các sự kiện khác. Trong quá trình nghiên cứu, phương pháp này được sử dụng để sắp xếp các bằng chứng khoa học theo trình tự tên gọi, thời gian tồn tại, địa bàn cư trú của một số loài người đã xuất hiện.

3. Một số loài người từng tồn tại trong lịch sử

Những người Hy Lạp cổ đã nêu lên các quan điểm khoa học đầu tiên về nguồn gốc sự sống từ sáu thế kỷ trước Công nguyên, sau đó nhiều thuyết khác nhau ra đời dựa vào các dữ kiện khoa học.

Có thể nói Linnaues - nhà thực vật học một bác sĩ kiêm nhà động vật học người Thụy Điển, là người đầu tiên xếp con người vào hệ thống phân loại sinh giới. Vào năm 1758, trong lần xuất bản thứ hai cuốn *System naturae*, ông đã xếp người vào bộ *Primates* - bộ Linh trưởng bao gồm: khỉ vượn *Ceropithecidae*, vượn cáo *Lemuridae*, dơi *Chiroptera* và lười *Bradypodidae*. Cũng chính Linnaeus đã đặt tên Homo cho giống người gồm hai loài: *Homo Sapiens* và *Homo Troglodytes*. *Homo Troglodytes - khỉ giả nhân* là loài người được mô tả bởi các nhà du lịch, chỉ hoạt động ban đêm và có các đặc tính trung gian giữa đười ươi và hắc tinh tinh (Phạm, 2007, tr. 4-5). Các loài tiến hoá từ một tổ tiên chung được tập hợp lại thành một "chi". *Homo Sapiens* - loài Sapiens (tinh khôn) của chi Homo (người). Như vậy, chúng ta đều là thành viên của một gia đình lớn và đặc biệt ồn ào gọi là vượn loại lớn. Họ hàng gần nhất của chúng ta bao gồm tinh tinh, khỉ đột và đười ươi. Tinh tinh là loài gần nhất, sáu triệu năm trước đây, một con vượn cái có hai con gái: một trở thành tổ tiên của loài tinh tinh, một là bà ngoại của chúng ta (Yuval, 2018, tr. 14).

Năm 1760, Carl Hoppius - học trò của Linnaues, mô tả loài người thứ ba - *Homo Caudatus* - người có đuôi; chính điều này đã gây tranh cãi rất dữ dội trong dư luận. Tuy nhiên, theo Linnaues chỉ một loài Homo Sapiens chủ yếu và có bốn chủng người khác nhau: người Âu da trắng, người Mỹ da đỏ, người Á da vàng và người Phi da đen. De Buffon (1707-1788) - nhà toán học, thực vật học, lâm học, sinh vật học, đã phản đối Linnaues và cho rằng chỉ có một giống người duy nhất (Phạm, 2007, tr. 7). Đến cuối thế kỷ XVIII, con người đã có một vị trí trong hệ thống phân loại.

Nhưng sự thật từ khoảng hai triệu năm trước cho đến khoảng 10.000 năm trở lại đây, tại cùng một thời điểm, thế giới là ngôi nhà của một số loài người. Con người là một con vật thuộc chi Homo. Trái Đất của 100 thiên niên kỷ trước đã in dấu chân của một số loài người khác nhau cùng sinh sống bên cạnh Homo Sapiens.

Bảng 1. Một số loài người từng tồn tại

Loài người	Thời gian tồn tại	Địa bàn cư trú	Thời gian phát hiện di cốt	Đặc điểm
Australopithecus - Vượn cổ Phương Nam	2,5 triệu năm trước	Bắc Phi, châu Âu, châu Á	1925	Có sự phân hoá đa dạng, có ít nhất sáu loài đã tồn tại trong thời gian từ năm triệu năm (có thể sớm hơn) đến một triệu năm trước đây. *Lucy* là một điển hình: sống ở Hadar, Đông Phi, khoảng ba triệu năm cách nay; dáng người nhỏ và đi trên hai chân nhưng chân ngắn như khỉ hình nhân; não nhỏ, hộp sọ thấp và dài, hàm to khoẻ; đã sử dụng được những hòn đá và thanh gỗ để đập các quả hạt. (The DK, 1999, tr. 16).
Homo Habilis - Người khéo léo	2,3-1,8 triệu năm cách nay	Đông Nam Phi	1960	Biết sử dụng công cụ đá; kích thước não lớn hơn não của người vượn Phương Nam nhưng nhỏ hơn Người; ngón tay ngắn, cong, cánh tay dài. (The DK, 1999, tr. 17).
Homo Erectus - Người có dáng đứng thẳng	2,000,000 năm cách nay	Châu Á	1891	Hộp sọ dài, có đường viền nâu trên mắt, não lớn hơn so với các loài Hominid; thân hình cao và chân dài, cơ bắp khoẻ. Họ có cuộc sống phức tạp và đa dạng, là người những người đầu tiên rời bỏ châu Phi đến châu Á và Âu. Họ săn bắt giỏi và biết tổ chức công việc, phát minh ra những công cụ mới, sống trong nơi cư trú và biết sử dụng lửa. (The DK, 1999, tr. 17).
Homo Rudolfensis - Người tới từ hồ Rudolf	1,9-1,8 triệu năm cách nay	Đông Phi	1986	Kích thước não lớn hơn so với loài Homo Habilis; mặt dài hơn, răng hàm và răng cửa to khoẻ.
Pithecanthropus	1,8 triệu năm - 141,000 năm cách nay	Java, Indonesia	1891-1893	Đây là giai đoạn trung gian giữa người và khỉ hình nhân.
Homo Denisova - Người Denisova	1,000,000 năm cách nay	Hang Denisova, Siberia	2010	Dựa vào phân tích AND trên một phần xương ngón tay hoá thạch cho thấy các ngón tay thuộc về một loài người chưa từng biết đến trước đây (Yuval, 2018, tr. 17).
Homo heidelbergensis - Người Heidelberg	700,000 - 200,000 cách nay	Châu Âu, Á, Đông Nam Phi	1908 (Đức)	Công cụ có đặc tính giống công cụ của Homo Erestus.
Homo Neanderthalensis (Neanderthal) - Người đến từ thung lũng Neander	400,000 - 40,000 năm cách nay	Châu Âu và Tây Á	1856 (Đức)	To con, cơ bắp hơn Sapiens, bộ não lớn hơn, thích nghi tốt với khí hậu lạnh. Sử dụng công cụ và lửa, là thợ săn giỏi và có lẽ đã biết chăm sóc những thành viên bệnh tật và ốm yếu (Yuval, 2018, tr. 25), chôn cất người chết. (The DK, 1999, tr. 18).
Homo Soloensis - Người đến từ thung lũng Solo	117,000 -108,000 cách nay	Sông Solo, Java, Indonesia	1931-1933	Phù hợp cuộc sống ở vùng nhiệt đới.
Homo Floresiensis - Người Lùn	50,000 năm cách nay	Flores, Indonesia	2003	Cao khoảng 1m, nặng không quá 25kg; chế tác được công cụ bằng đá và săn bắt. (Yuval, 2018, tr. 17).

Ở nửa cuối thế kỷ XIX, bầu không khí tiến bộ đang thức tỉnh khắp nơi, con người hiểu rằng thế giới vật chất có từ lâu đời, tất cả sinh vật là kết quả tiến hoá từ những sinh vật đơn giản hơn. Các nhà khoa học đã nêu ra nhiều quan điểm khác nhau về nguồn gốc loài người, nhưng đáng chú ý là các quan điểm của Lamarck và Darwin. Lamarck là người đầu tiên cho rằng con người phát sinh từ một loài vượn (Phạm, 2007, tr. 13). Năm 1859, Darwin cho ra đời tác phẩm *"Nguồn gốc các loài bằng con đường chọn lọc tự nhiên"* đã tạo nên bước ngoặt trong tư duy nhân loại. Mặc dù có những tranh cãi nhưng cuối cùng giới khoa học và công chúng có tri thức công nhận luận điểm của Darwin và theo đó có thể xây dựng dòng phả hệ của con người trong sinh giới nhờ những hoá thạch ở các lớp địa tầng. Đến giai đoạn này, khoa học đã thừa nhận bản thân con người cũng như tất cả các sinh vật là sản phẩm của sự tiến hoá và có nguồn gốc từ xa xưa. Khi đó, vấn đề con người được Chúa trời tạo ra và là trung tâm của vũ trụ đã hoàn toàn bị đảo lộn.

Năm 1863, Thomas Henry Huxley công bố *"Các số liệu động vật về vị trí con người trong thiên nhiên"*. Ông đã cố gắng so sánh về mặt giải phẫu giữa người và các vượn người như hắc tinh tinh, khỉ đột và chứng minh rằng sự phát triển phôi và hình thái của các vượn người và của người diễn ra nói chung theo cùng những nguyên tắc và sơ đồ giống nhau. Tác giả suy luận rằng con người không phải tách rời khỏi giới động vật, và người có quan hệ tiến hoá rất gần với các vượn người châu Phi, dù có bản chất vượt trội (Phạm, 2007, tr. 8).

Vào năm 1864, Wallace công bố "*Nguồn gốc các chủng người"* và cho rằng sự tiến hoá của loài người được đánh dấu bởi hai giai đoạn lớn: một là sự tiến hoá tương tự động vật và hai là sự tiến hoá vượt trội trên thiên nhiên.

Năm 1871, trong tác phẩm *"Nguồn gốc các loài và chọn lọc giới tính"* của Darwin cho rằng, người khác với khỉ - vượn ở bốn đặc tính cơ bản: sự di chuyển trên hai chân, khả năng kỹ thuật tiến bộ, não bộ lớn và phức tạp, sự giảm đáng kể các răng nanh.

Xét về mặt cấu trúc cơ thể người rất giống cấu tạo chung của động vật có xương sống gồm xương đầu, cột sống và xương chi. Cơ thể người đặc biệt giống với cơ thể động vật có vú là có lông mao, có vú, đẻ con, nuôi con bằng sữa. Sự sắp xếp các nội quan, hình thái cấu tạo mỗi cơ quan đều căn bản giống nhau. Phôi người trong giai đoạn đầu phát triển rất giống phôi của động vật có xương sống. Phôi người từ 18-20 ngày có dấu vết khe mang giống phôi cá. Vào tháng đầu tiên não người gồm năm phần nối tiếp nhau giống não cá. Tháng thứ hai có đuôi khá dài. Khi đến tháng năm và sáu thì phôi người có một lớp lông rậm và mềm bao phủ, đến tháng thứ bảy mới rụng lông. Dựa vào quy luật tiến hoá *"Sự phát triển cá thể lặp lại ngắn gọn lịch sử phát sinh chủng loại"* thì sự phát triển của phôi là một chứng cứ rất rõ về nguồn gốc động vật của người. Mặc dù có nguồn gốc từ động vật, nhưng chính những đặt điểm nổi bật và vượt trội của con người đã giúp họ trở thành những cá thể khác biệt với các loài động vật khác và dần dần trở thành một giống loài chinh phục và làm chủ thế giới.

4. Những đặc điểm nổi bật của Homo Sapiens

4.1. Sự tương đồng và dị biệt chủ yếu giữa người và vượn người

Bảng 2. Điểm giống và khác nhau giữa vượn và người vượn

Các mặt so sánh	Người	Vượn người
Giống nhau	Giống nhau về hình thái cơ thể, bộ xương, bộ răng. Vượn người cũng có bốn nhóm máu: O, A, B, AB. Hemoglobin người giống hệt hắc tinh tinh (Pan), chỉ khác của khỉ đột Gorilla ở hai axit amin. Bộ máy di truyền của người và hắc tinh tinh giống nhau 98%, sự khác nhau căn bản là ở các gen điều hoà.	
Khác nhau		
Bộ xương và hình dạng chung	Người đi thẳng, cột sống hình chữ S.	Vượn người đi lom khom.
	Kích thước xương chậu rộng và lồng ngực lớn.	Kích thước xương chậu hẹp và lồng ngực nhỏ.
	Tay ngắn hơn chân.	Tay chân dài tương đương.
	Cơ thể người ít có lông bao phủ.	Có nhiều lông bao phủ trên thân.
Bộ não	Khối lượng não (1000 - 2000g), thể tích não (1300 - 1600cm^3) và diện tích vỏ não (1250cm^2) của người đều lớn hơn hắc tinh tinh. Bộ não chiếm khoảng 2-3% tổng trọng lượng cơ thể nhưng nó sử dụng đến 25% năng lượng của cơ thể.	Khối lượng não (460g), thể tích não (600cm^3) và diện tích vỏ não (395cm^2) của hắc tinh tinh đều nhỏ.
	Sọ lớn hơn mặt.	Sọ nhỏ hơn mặt.
Hệ thống tín hiệu	Tiếng nói, chữ viết là đặc trưng riêng ở người, nhờ đó con người có khả năng tư duy trừu tượng.	Tiếng nói, chữ viết không có ở động vật.
		(Phạm, 2007, tr. 15-18)

4.2. Homo Sapiens chinh phục thế giới nhờ ngôn ngữ độc đáo của mình

Sử dụng tiếng nói để truyền đạt thông tin là một đặc điểm chuyên biệt ở người. Sự phát tiển tiếng nói kéo theo hàng loạt đặc điểm giải phẫu sinh lý liên quan vùng vòm họng và khí quản. Bán cầu trái của não người cũng liên quan đến tiếng nói. Ba trung tâm vỏ não của bán cầu trái có liên quan đến hàng loạt hoạt động tạo tiếng nói, có quan hệ đan chéo nhau, kết hợp với các vùng để tạo ra tiếng nói. Ngoài sự liên quan đến trung tâm của não, tiếng nói còn gắn liền với hàng loạt cơ quan phát âm. Có tiếng nói là khác biệt rõ rệt giữa người và các loài vật kế cận. Vượn người dù được các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm huấn luyện cũng không nói được. Hơn nữa tiếng nói của con người được kiểm soát bởi vỏ đại não, trong khi những âm thanh do vượn người phát ra chịu sự kiểm soát của phần dưới vỏ não (Phạm, 2007, tr. 54-55).

Ngôn ngữ của Homo Sapiens linh hoạt một cách đáng ngạc nhiên bởi vì chúng ta có thể kết nối một số các âm thanh và dấu hiệu nhất định để tạo nên vô số câu, mỗi câu lại cho một ý nghĩa riêng. Do đó, chúng ta có thể hấp thu, lưu trữ và truyền đạt một lượng thông tin rất lớn về thế giới xung quanh. Ngôn ngữ độc đáo của chúng ta tiến hóa như một phương tiện để chia sẻ về thông tin thế giới. Homo Sapiens về bản chất là một động vật xã hội, sự cộng tác xã hội là chìa khóa cho sự tồn tại và sinh sản. Chúng ta có thể tán gẫu nhiều giờ liền, bàn tán về mọi thứ mà chưa bao giờ thấy, chạm vào hoặc ngửi được; điều đó cho thấy sự phong phú trong nội dung ngôn ngữ của chúng ta đang sở hữu. Chính sự hư cấu không chỉ giúp chúng ta tưởng tượng mà còn tưởng tượng cùng nhau. Với khả năng hợp tác cực kỳ linh hoạt với vô số người xa lạ, đó là chìa khóa giúp cho Homo Sapiesn thống trị thế giới: Homo Sapiens đã sớm vượt qua tất cả các loài người và động vật khác về khả năng hợp tác của mình.

4.3. Đứng thẳng - biến dị di truyền lớn đầu tiên tạo sự khác biệt rõ với các vượn người

Trong nhiều thế kỷ qua, khi truy tìm nguồn gốc loài người, các nhà nghiên cứu quá chú ý vào sự phát triển nhanh chóng của bộ não, mà quên đi một biến đổi sinh học quan trọng hàng đầu là đứng thẳng trên hai chân. Tất cả các loài người thuộc họ Hominid đều có dáng đứng thẳng trên hai chân. Đây là khác biệt căn bản so với các dạng khỉ, vượn hay vượn người.

Hệ cơ xương của cơ thể người thích ứng cho đứng thẳng trên hai chân. Xương đùi và xương ống chân tạo góc thích hợp cho sự cân bằng trên hai chân. Xương đùi đặc biệt dài có mấu bám làm hạn chế sự lật ngang khi đi. Đầu gối được được cấu tạo đặc biệt thích hợp cho cử động khi đi. Các cơ bám đúng vào các vị trí tương ứng giữ cho cơ thể ở vị trí đứng thẳng. Vòm xương bàn chân thích ứng cho việc đứng thẳng (Phạm, 2007, tr. 49).

Phát hiện dáng đi thẳng đứng của người liên quan chặt chẽ với các mẫu hóa thạch người vượn Autralopithecus. Năm 1948, Broom cho rằng Autralopithecus đi đứng thẳng trên hai chân. Năm 1974, việc so sánh xương chậu của Lucy với hắc tinh tinh và người hiện đại chứng tỏ đã có dáng đứng thẳng. Năm 1978, ở Laetoli Tanzania đoàn khảo sát của bà Mary Leakey có sự tham gia của Paul Abell đã phát hiện những dấu chân in trên tro núi lửa. Họ đã tìm được khoảng 50 dấu chân người đi trên chiều dài cỡ 30m. Các dấu chân chứng tỏ có hai người đã đi trên hai chân. Lớp tro được in dấu chân người Australopithecus có niên đại 3,8 triệu năm. Nhiều số liệu chứng tỏ những người đầu tiên đã có dấu hiệu đứng thẳng trên hai chân. Dáng đứng thẳng là biến dị di truyền lớn đầu tiên tạo nên sự khác biệt rõ với các vượn người. Nó kéo theo hàng loạt thay đổi hình thái giải phẫu của cơ thể như hình dạng cột sống, vị trí hộp sọ. Có lẽ, điều quan trọng nhất là đôi tay được giải phóng hoàn toàn khỏi phải tựa khi di chuyển trên mặt đất. Nhờ được rảnh rang, đôi tay có thể cầm nắm vũ khí và tiến tới chế tạo các công cụ lao động (Phạm, 2007, tr. 49-51).

4.4. Một giống loài biết tạo ra lửa

Một cột mốc quan trọng trong quá trình tiến hóa đó là việc tạo ra lửa. Một số loài người có thể thi thoảng đã sử dụng lửa khoảng 800.000 năm trước. Khoảng 300.000 năm trước, Homo Erectus, Neaderthal và tổ tiên của Homo Sapiens đã sử dụng lửa hằng ngày (Yuval, 2018, tr. 22).

Sự xuất hiện và tầm quan trọng của lửa đã được đề cập trong rất nhiều thần thoại nổi tiếng trên thế giới. Hestia – Thần bếp lửa trong thần thoại Hy Lạp. Nữ thần là biểu tượng của ngọn lửa trong bếp lò sưởi ở gia đình, người bảo hộ cho sự quần tụ ấm cúng của con người trong gia đình, cho cuộc sống văn minh (Lê, 2020, tr. 18). Hay điển tích Ngọn lửa Promete: Trong văn học thế giới, thuật ngữ ngọn lửa Promete tượng trưng cho tự do, văn minh, tiến bộ, tượng trưng

cho sự đấu tranh kiên cường bất khuất chống lại ách áp bức, bóc lột và thối tàn bạo đối với con người. Tư tưởng Promete, tinh thần Promete tượng trưng cho ý chí tự do, quật cường, nổi loạn chống đối quyết liệt với thế lực đen tối phi nghĩa, không thỏa hiệp nhượng bộ; đồng thời cũng tượng trưng cho thái độ kiên định mục đích cao cả và sự căm ghét tột độ thói phản bội, đầu hàng (Nguyễn, 2010, tr. 75).

Với Homo Sapiens, lửa có những tác dụng tuyệt vời. Đó là, nấu chín thức ăn, thắp sáng, xua thú dữ, sưởi ấm, đốt rừng làm nơi ở lâu dài. Việc nấu chín được thức ăn là tác dụng tuyệt vời nhất của lửa, vì nó không chỉ thay đổi tính chất hóa học của thức ăn mà còn thay đổi tính chất sinh học của Homo Sapiens. Việc nấu nướng cho phép con người ăn được nhiều loại thực phẩm, thời gian tiêu hóa thức ăn trong dạ dày ngắn lại và hấp thu trong ruột được nhanh hơn, do đó răng nhỏ hơn và ngắn hơn, ruột cũng ngắn lại và bộ não cũng phát triển tốt hơn.

Khi con người tạo ra lửa, họ đã kiểm soát được một nguồn sức mạnh vô hạn. Đó là dấu hiệu đánh dấu con người bắt đầu bước vào ngưỡng cửa của thời đại văn minh.

4.5. Một giống loài biết chế tác công cụ lao động

Homo Sapiens không chỉ tìm kiếm thực phẩm và nguyên vật liệu, mà họ còn tìm kiếm kiến thức (Yuval, 2018, tr. 66).

Friedrich Engels đã nói: Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ sinh hoạt loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải thừa nhận lao động đã sáng tạo ra chính bản thân con người. Con người biết lao động sản xuất cải tạo thiên nhiên. Họ tạo ra công cụ, đó là lao động sáng tạo của con người khác hoàn toàn với lao động bản năng của động vật. Vượn Phương Nam chỉ biết dùng cành cây và đá để tự vệ trước sự tấn công của các thú dữ chứ không thể tạo ra một công cụ đá dù thô sơ nhất. Từ trong lao động sáng tạo, cơ thể và tư duy của con người ngày càng hoàn thiện và phát triển. Hai chi trước của vượn dần trở thành hai tay, trung khu ngôn ngữ hình thành ở thuỳ não trái, đó là sự kích thích chủ yếu và làm cho bộ óc dần chuyển biến thành bộ óc người (Lương, 2003, tr. 13).

Ở thời kỳ Bầy người nguyên thủy, con người đã biết chế tạo công cụ lao động. Từ chỗ chỉ biết dùng những cành cây, hòn đá trong tự nhiên làm công cụ, con người đã biết lấy những viên cuội hay hai hòn đá ghè vào nhau tạo nên một cạnh sắc và vừa tay cầm, gọi là những chiếc rìu vạn năng. Với rìu đá, họ có thể chặt cây, làm vũ khí tự vệ và tấn công các con thú khi săn bắt, đào bới cây củ kiếm ăn. Ngoài ra, họ còn biết sử dụng những mảnh tước từ hạch đá như những chiếc dao nạo gỗ. Những công cụ đá thô sơ do tổ tiên chúng ta tạo nên được gọi là những công cụ đá sơ kỳ (Lương, 2003, tr. 15).

5. Kết luận

Trong lịch sử tiến hóa của loài người, từ 150.000 năm trở lại đây con người về mặt sinh học hầu như không có biến đổi lớn. Tuy nhiên, quyền lực trí tuệ kết hợp với những đặc tính chuyên biệt của loài người đã tạo nên những biến đổi vượt giới hạn tiến hóa tự nhiên, kể cả biến đổi chính cơ thể sinh học của con người. Việc sở hữu một ngôn ngữ độc đáo, khả năng hợp tác cực kỳ linh hoạt với vô số người xa lạ, đó là chìa khóa giúp cho Homo Sapiesn thống trị thế giới. Dáng đi đứng thẳng, đôi tay được giải phóng trên mặt đất đã tạo nên sự linh hoạt trong di chuyển, cầm nắm và giúp cho con người tiến đến một mức độ cao hơn trong quá trình tiến hóa là có thể chế tác công cụ lao động. Đây là một đặc tính mà tất cả các loài động vật khác không thể nào làm được. Sau cùng, với việc tìm ra lửa, sử dụng lửa đã đánh dấu con người hoàn toàn thoát khỏi giới động và chính thức bước lên vị trí cao nhất trong hệ thống phân loại sinh giới.

Tài liệu tham khảo

Lương, N. (CB), Đinh, N. B., Đặng, Q. M., Nguyễn, G. P., & Nghiêm, Đ. V. *Lịch sử thế giới cổ đại*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.

Lê, T. A. N. (2020). *Sự ảnh hưởng của thần thoại trong nền văn minh Hy Lạp cổ đại (khoảng thiên niên kỷ III đến năm 30 TCN)*. Đại học An Giang.

Lin, M. L., & Segan, E. (2005). *Lịch sử loài người - Con người trở thành khổng lồ*. Hà Nội: NXB Văn hóa thông tin.

Nguyễn, V. K. (2010). *Thần thoại Hy Lạp*. Hà Nội: NXB Văn học.

Phạm, T. H. (2007). *Nguồn gốc loài người*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Yuval, N. H. (Nguyễn, T. C. dịch) (2018). *Sapiens lược sử loài người*. Hà Nội: NXB Tri thức.